

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2019/HNGĐ – ST**
Ngày: 24-7-2019
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 106/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn S, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Thu H tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ký ngày 01 tháng 12 năm 2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng ba

năm trở lại đây chị Hoàng Thị Thu H có dấu hiệu xa lánh anh, có biểu hiện không muốn chung sống cùng với chồng con, không muốn sinh sống tại huyện B nên nhiều lần bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân. Anh cùng các con nhiều lần đi tìm kiếm chị Hoàng Thị Thu H về. Đến ngày 6/1/2018 âm lịch thì chị Hoàng Thị Thu H bỏ nhà đi cho đến nay. Từ lúc đi cho đến nay chị Hoàng Thị Thu H không quan tâm, liên lạc với anh cùng các con. Hiện nay anh không thể chấp nhận việc bỏ nhà đi không quan tâm đến chồng con của chị Hoàng Thị Thu H, anh không còn tình cảm với chị Hoàng Thị Thu H nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị Thu H.

Về nuôi con chung: Anh và chị Hoàng Thị Thu H có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 và Nguyễn Ngọc D sinh ngày 20 tháng 5 năm 2009. Hiện nay hai cháu đang ở với anh, anh có nơi ở ổn định nên anh có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị Hoàng Thị Thu H không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 và cháu Nguyễn Ngọc D sinh ngày 20 tháng 5 năm 2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: áp dụng Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ:

- Sổ hộ khẩu + chứng minh nhân dân đứng tên Nguyễn Văn T; Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ký ngày 01/12/2006; Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Thị Ngọc A; Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Ngọc D

- Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019 của anh Nguyễn Văn T; Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2019 của bà Phạm Thị H; Biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019 của cháu Nguyễn Thị Ngọc A; Biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019 của cháu Nguyễn Ngọc D;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Thu H (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Thu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T khai nhận anh và chị Hoàng Thị Thu H có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn 46, ký ngày 01 tháng 12 năm 2006. Lời khai của anh Nguyễn Văn T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị Thu H là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T khai nhận trong thời gian chung sống chị Hoàng Thị Thu H thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm chăm sóc đến anh và các con. Đến tháng 1 năm 2018 (âm lịch) chị Hoàng Thị Thu H tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc thăm hỏi chồng con. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*. Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình*

hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị Hoàng Thị Thu H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

[4] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T khai nhận anh và chị Hoàng Thị Thu H có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 và Nguyễn Ngọc D sinh ngày 20 tháng 5 năm 2009. Anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Xét, anh Nguyễn Văn T có nơi ở ổn định và có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hiện nay hai cháu đang được anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đầu năm 2018 cho đến nay chị Hoàng Thị Thu H không quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu vi phạm quyền, nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 69 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Thị Ngọc A và cháu Nguyễn Ngọc D theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A và cháu Nguyễn Ngọc D cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T khai nhận anh và chị Hoàng Thị Thu H không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị Thu H

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 21 tháng 9 năm 2007 và cháu Nguyễn Ngọc D sinh ngày 20 tháng 5 năm 2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009255 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

